

BIẾN ĐỔI QUAN HỆ GIA ĐÌNH CỦA NGƯỜI HÔNG THEO ĐẠO TIN LÀNH DI CƯ ĐẾN TỈNH ĐIỆN BIÊN¹

TRẦN THỊ HỒNG YẾN

Ở đầu

Gia đình không chỉ là đơn vị thân tộc mà còn là đơn vị kinh tế và nghi lễ; có vị trí quan trọng trong đời sống người Hông. Đây chính là điểm tựa, tạo nên sức mạnh đoàn kết để phát triển kinh tế, giúp các thành viên vượt qua những khó khăn, thử thách. Gia đình cũng là các tiểu đơn vị, cấu trúc nên xã hội Hông (Vương Duy Quang, 2005, tr. 66-75; Nguyễn Văn Thắng 2009, tr. 154-155). Nghiên cứu quan hệ gia đình của người Hông cũng đề cập về con người, xã hội và bản sắc của dân tộc Hông.

Từ trước đến nay, chủ đề nghiên cứu về người Hông thu hút được sự chú ý của nhiều nhà khoa học trong và ngoài nước. Tuy nhiên, phần lớn các công trình đề cập đến vấn đề nguyên nhân, quá trình chuyển đổi tôn giáo, rất ít đề cập đến biến đổi quan hệ xã hội (gia đình, dòng họ, làng bản). Các nghiên cứu về gia đình trước đó chỉ được đề cập với tư cách là một phần nhỏ trong các công trình nghiên cứu tổng thể.

Gia đình của người Hông giữ tín ngưỡng truyền thống được đề cập trong các công trình của Phạm Quang Hoan (1994, 2001), Gary Lee - Nick Tapp (2002), Vương Duy Quang (2005), Nguyễn Văn Thắng (2009)... Các nghiên cứu trên đưa ra và lý giải các vấn đề: quy mô, tính chất phụ quyền của gia đình người Hông; nhấn mạnh vị thế thấp kém của người phụ nữ, đề cao tôn ti trật tự trong gia đình... Quy mô gia đình của người Hông thường lớn, từ 5 đến 10 con. Nguyên nhân chính là do khát vọng có con trai để nối dõi dòng họ và khi về già được con cái chăm sóc, được làm ma (Lee và Tapp, 2002, tr. 63). Đặc điểm của gia đình người Hông mang tính chất phụ quyền, trong đó, vai trò của nam giới được đề cao. Người chồng vừa là người chủ sự gia đình, vừa là người đại diện đối nội, đối ngoại với dòng họ, làng bản; đồng thời, nắm “quyền” thực hiện các nghi lễ tôn giáo của gia đình. Tính chất phụ quyền trong gia đình người Hông còn thể hiện ở sự chú trọng vào vị trí độc tôn² và quyền thừa hưởng tài sản của nam giới. Trong khi đó, quyền lợi của nữ giới chỉ là thứ yếu. Con gái khi lấy chồng, thuộc về nhà chồng. Trong nhà, họ phải nghe lời

¹ Nghiên cứu này thuộc đề tài cấp Bộ của Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam (2015 - 2016): “*Biến đổi văn hóa, xã hội của cộng đồng cư dân theo đạo Tin Lành ở một số dân tộc thiểu số miền núi phía Bắc (từ 2005 đến nay)*” do TS. Trần Thị Hồng Yến làm Chủ nhiệm.

² Luật tục của dân tộc này quy định rõ, chỉ có con trai mới được phép lập bàn thờ tổ tiên.

chồng, không được rời bỏ nhà chồng trong bất cứ tình huống nào và khi chết, trở thành ma nhà chồng (Phạm Quang Hoan, 1994; Vương Duy Quang, 2005, tr. 66-73).

Khi nhắc đến mối quan hệ gia đình truyền thống của người Hmông, không thể không đề cập đến trách nhiệm, bổn phận của cha mẹ đối với con cái và ngược lại. Mối quan hệ này được thể hiện rất rõ qua những dịp như cưới xin, tang ma. Qua lễ cưới của người Hmông Trắng ở huyện Đồng Văn (tỉnh Hà Giang), tác giả Phạm Quang Hoan đã chỉ ra vai trò, vị trí, tôn ti trật tự của các thành viên trong gia đình qua các hành vi ứng xử trong đám cưới. Đó không chỉ là nét đẹp về phong tục tập quán mà còn là cách trao truyền văn hóa, giáo dục những giá trị đạo đức cộng đồng cho thế hệ trẻ (Phạm Quang Hoan, 2001). Trong tang ma, con cái bày tỏ lòng xót thương vô hạn đối với các bậc sinh thành qua việc làm ma chu đáo. Chính vì vậy, khi cha mẹ mất đi, dù nghèo túng đến mấy, các con trai vẫn phải vay mượn tiền bạc, trâu, bò, lợn... để làm ma cho cha mẹ theo đúng nghi lễ truyền thống. Lễ vật tang ma đã trở thành gánh nặng cho mỗi thành viên nam giới trong gia đình (Nguyễn Văn Thắng, 2009, tr. 76).

Gia đình của người Hmông theo Tin Lành ở các nước trên thế giới và Việt Nam được đề cập đến trong các công trình nghiên cứu tổng thể của Vayong Moua (1995), Siu Woo Cheung (1995), N. Tapp (2009), Nguyễn Văn Thắng (2009), Nguyễn Xuân Hà (2013), Nguyễn Quỳnh Trâm (2016)... Các nghiên cứu trên đã đưa ra một số biến đổi trong quan hệ gia đình của người Hmông theo lý mới như: sự suy giảm vai trò của nam giới và người cao tuổi trong gia đình trong khi vai trò của nữ giới được đề cao;

mâu thuẫn xuất hiện giữa các thành viên gia đình giữ lý cũ và theo lý mới (do sự khác biệt về thế giới quan). Mâu thuẫn này dễ dàng nhận diện qua những ý kiến bất đồng trong cách tổ chức tang ma cho các bậc sinh thành... Tuy đưa ra được một số biến đổi trong quan hệ gia đình của người Hmông theo Tin Lành, song các nghiên cứu nêu trên mới chỉ dừng ở việc đưa ra những nhận định chung, chưa có những dẫn chứng cụ thể để phân tích, chứng minh. Mặt khác, trong gia đình người Hmông theo Tin Lành có nhiều mối quan hệ, nhưng chỉ có lĩnh vực giới tính và tuổi tác được chú ý; nhiều mối quan hệ khác (vợ - chồng; anh - em; cha mẹ - con cái) chưa được khảo sát. Vì vậy, “bức tranh” đầy đủ về mối quan hệ gia đình của người Hmông theo Tin Lành vẫn còn là khoảng trống. Bên cạnh đó, người theo Tin Lành có niềm tin sâu sắc vào đức Chúa Trời. Họ suy nghĩ và hành động theo Kinh Thánh, nhưng trong các nghiên cứu nêu trên, một số vấn đề chưa được nhìn nhận, lý giải theo đúng bản chất của sự việc, hiện tượng. Nghiên cứu dưới đây sẽ khắc phục những hạn chế nêu trên.

Địa bàn nghiên cứu, khảo sát gồm năm bản của người Hmông theo Tin Lành di cư ở hai huyện Mường Nhé và Nậm Pồ (tỉnh Điện Biên)³. Những bản này được lập nên bởi người di cư đến từ các tỉnh lân cận (Lai Châu, Hà Giang, Sơn La, Lào Cai...). Do

³ Đây là điểm nóng về hoạt động đạo Tin Lành của người Hmông di cư đến vào các thời điểm khác nhau kể từ sau năm 1986 và những làn sóng di cư nhỏ lẻ vẫn tiếp tục diễn ra cho đến hiện nay. Đó là các bản: Huổi Hóc, Huổi Khon (xã Nậm Kè), Cà La Pá (xã Leng Su Sin) thuộc huyện Mường Nhé, tỉnh Điện Biên; bản Nậm Nhừ 3 (xã Nậm Nhừ), Phìn Hồ (xã Phìn Hồ) thuộc huyện Nậm Pồ, tỉnh Điện Biên. Trong năm bản trên, riêng bản Cà La Pá gồm người Hmông giữ tín ngưỡng truyền thống và người Hmông theo Tin Lành; các bản còn lại đều là bản của người Hmông theo Tin Lành.

hiều nguyên nhân, họ đã di cư đến vùng đất mới vào các thời điểm khác nhau, nhưng chủ yếu vào những năm 90 của thế kỷ trước⁴.

Khi theo Tin Lành, đức tin duy nhất vào Vàng Chứ (Thiên Chúa) và thẩm quyền Kinh Thánh là nền tảng cơ bản để các tín đồ người Hmông thực hành nghi lễ và định ra các hành vi ứng xử trong cuộc sống hàng ngày. Sau đây, chúng tôi sẽ trình bày những biến đổi trong quan hệ gia đình của người Hmông theo Tin Lành.

1. Biến đổi trong quan hệ của con cháu với ông bà, cha mẹ

Khi chuyển sang đạo Tin Lành, thế giới quan của bộ phận tín đồ theo đạo Tin Lành nói chung và tín đồ người Hmông Tin Lành nói riêng đã có sự thay đổi cơ bản. Điều này có ảnh hưởng sâu sắc đến các hành vi, ứng xử và việc thực hành các nghi lễ tôn giáo trong gia đình của họ. Cụ thể, những người theo Tin Lành đã có sự thay đổi quan trọng trong cách nhìn nhận về vũ trụ và đối tượng thờ cúng.

Người Hmông Tin Lành coi *Vàng Chứ là Đức Chúa Trời*, là đấng tạo hóa cao nhất, ban cho sự sống và bảo vệ họ. Theo Vàng Chứ, họ không còn sợ ma quỷ. Do đó, họ chỉ thờ cúng một mình Vàng Chứ. Việc thờ phụng này chiếm vị trí quan trọng trong đời sống của cộng đồng Tin Lành nói chung và của các tín hữu nói riêng. Trong ý niệm của người Hmông Tin Lành, giờ đây hiểu thảo trước tiên phải dành cho Vàng Chứ.

⁴ Bản Huổi Hóc, Huổi Khon dân di cư đến năm 1997; Nậm Nhừ 3 (1990 - 1995); Phìn Hồ (1986); Cà La Pá (2006 - 2010) (Tư liệu điền dã thực địa tháng 5/2015).

Tuy nhiên, về trách nhiệm, bổn phận của con cái đối với cha mẹ, Kinh thánh Cựu ước có ghi rõ: “*Phải hiếu kính cha mẹ, như vậy người mới được sống lâu trên đất mà Chúa Hằng Hữu ban cho*”; “*Kẻ nào đánh cha mẹ mình sẽ bị tử hình*”; “*Kẻ nào nguyện rửa cha hay mẹ mình sẽ bị xử tử*” [Xuất 21: 15, 17; Hội Thánh Tin lành Việt Nam (miền Bắc), 2013, tr. 83]. Trong mười điều răn của đạo Tin Lành dành cho các tín đồ, điều răn thứ 5 cũng đề cập đến nội dung “*Phải hiếu kính cha mẹ*” [Xuất 20: 12; Hội Thánh Tin lành Việt Nam (miền Bắc), 2013, tr. 83]. Phải thảo kính cha mẹ vì cha mẹ có công sinh thành, dưỡng dục và thay quyền Chúa để săn sóc phần hồn, phần xác.

Từ nền tảng Kinh Thánh nêu trên, người Hmông theo Tin Lành được các mục sư, quản nhiệm hội thánh hoặc trưởng nhóm đạo giảng giải rằng, việc hiếu kính với ông bà, cha mẹ được con, cháu thể hiện khi còn sống. Đó là sự kính trọng, lòng biết ơn, sự vâng lời. Việc báo hiếu được thực hiện cụ thể bằng những món quà vật chất, thường xuyên thăm viếng, chăm sóc ân tình, chu đáo khi ốm đau... Như vậy, trong ý niệm của người Hmông theo Tin Lành, hiếu kính, hiểu thảo trước tiên phải dành cho Vàng Chứ; đối với ông bà, cha mẹ đặt ở bên dưới; hiếu kính, vâng phục và báo hiếu khi họ còn sống.

Kết quả nghiên cứu thực địa cũng cho thấy, ảnh hưởng của giáo lý Tin Lành đến hành vi, ứng xử của các tín đồ Hmông tại năm bản khảo sát. Phần lớn các gia đình trong bản là những gia đình trẻ di cư từ các tỉnh đến. Họ “*để lại*” cha mẹ già ở quê hương (cha mẹ họ có người đã theo hoặc không theo Tin Lành). Hàng năm, các thành viên trong gia đình trẻ (vợ/chồng) vẫn thường

thay nhau về quê cũ thăm cha mẹ. Tuy nhiên, do điều kiện kinh tế tại nơi ở mới vẫn còn khó khăn và công việc bận rộn, họ không thể về thăm cha mẹ được thường xuyên như mong muốn. Những người có điều kiện kinh tế khá giả thường về thăm cha mẹ vài lần trong năm; những người kinh tế khó khăn, chỉ cố gắng hai, ba năm một lần. Điều này khiến họ rất suy tư và trăn trở.

Mỗi lần về quê, người Hmông thường tiêu tốn khoảng 5 - 7 triệu đồng. Đây là một số tiền không nhỏ đối với những người di cư. Để tiết kiệm chi phí, họ thường đi xe máy (thay vì đi ô tô khách), vượt qua hàng trăm cây số đường đèo. Thời điểm về thăm quê cũ thường vào các dịp Tết, lúc cha mẹ ốm đau, trong gia đình, dòng họ có cưới xin, tang ma, hoặc sau khi thu hoạch xong vụ mùa... Những thời gian khác trong năm, họ thường xuyên gọi điện thoại thăm hỏi sức khỏe của cha mẹ. Trong trường hợp cha mẹ ốm đau, nếu không về được, họ sẽ gửi tiền cho người thân ở quê nhà chăm sóc, coi đó là trách nhiệm và bổn phận của con cái đối với công lao to lớn sinh thành, nuôi dưỡng của cha mẹ. Đối với những gia đình trẻ có cha mẹ sống cùng tại nơi di cư, họ thường xuyên được cha mẹ giúp đỡ. Ngược lại, nếu cha mẹ già yếu, họ là người giúp đỡ lại cha mẹ.

Việc chăm sóc cha mẹ cũng có sự thay đổi trong quan niệm của người Hmông theo Tin Lành. Theo lý cũ, cha mẹ thường ở với vợ chồng con trai út và họ phải có trách nhiệm, bổn phận chăm sóc, nuôi dưỡng cha mẹ lúc về già. Vì thế, đối với mỗi gia đình trẻ, có con trai để nối dõi tông đường, chăm sóc cha mẹ lúc về già được coi trọng. Tuy nhiên, theo quan niệm của người theo Tin Lành, giới tính con cái không quan trọng, con trai và con gái đều bình đẳng như nhau

vì đều là tạo hóa của Vàng Chứ, do Vàng Chứ sinh ra. Vì thế, con trai, con gái đều phải có trách nhiệm chăm sóc cha mẹ như nhau. Theo đó, cha mẹ có thể ở nhà của con trai hay con gái để được nuôi dưỡng lúc về già. Trong gia đình của người Hmông theo lý cũ có thứ bậc trên dưới, nhưng các gia đình Tin Lành lại chủ trương cha mẹ - con cái, vợ - chồng, nam - nữ đều bình đẳng.

Quan niệm như vậy, nhưng trên thực tế điều tra cho thấy, trong gia đình Hmông theo Tin Lành, người con trai vẫn giữ vai trò quan trọng. Phần lớn cha mẹ đều ở với con trai út như phong tục tập quán truyền thống. Khi cha mẹ về già hay ốm đau, các con cái đều phải có trách nhiệm chăm sóc, nhưng vai trò chính vẫn do vợ chồng người con trai út đảm nhận.

Trách nhiệm và bổn phận của con cái đối với cha mẹ không chỉ lúc họ đang sống mà cả lúc mất đi. Nếu như giai đoạn đầu mới theo đạo (những năm 80 - 90 của thế kỷ trước), trong một số gia đình, mâu thuẫn giữa cha mẹ - con cái; anh - em; họ hàng; giữa những người theo và không theo Tin Lành diễn ra gay gắt, thì hiện nay, đã có phần dịu bớt, nhất là từ sau khi có Chỉ thị 01⁵. Ở thời điểm hiện tại, mối quan hệ trong nội bộ các gia đình đã dần ổn định hơn. Họ hiểu và thông cảm cho nhau, đồng thời, đang cố gắng xóa bỏ những bất đồng cũ để tiến lại gần nhau.

Về mối quan hệ với quê hương cũ, thời gian đầu theo đạo, trong gia đình xảy ra bất hòa nên người di cư thường không về thăm

⁵ Chỉ thị số 01/2005/CT-TTg Về một số công tác đối với đạo Tin Lành.

quê cũ, anh em, họ hàng. Khi Chi thị 01⁶ được ban hành, thừa nhận nhu cầu tôn giáo của một bộ phận người Hmông theo Tin Lành, thể hiện qua việc cho đăng ký điểm nhóm sinh hoạt đạo (nếu đủ điều kiện); trên cơ sở đó, *thái độ của những người giữ lý cũ đối với những người theo lý mới đã dịu nhẹ đi rất nhiều*. Mặt khác, do anh - em lâu ngày xa cách, họ cảm thấy nhớ và không bỏ được nhau. Vì vậy, khi nhận được tin cha mẹ mất, phần lớn người Hmông theo Tin Lành tại các bản di cư, đều thu xếp công việc để về thăm viếng. Nếu gặp điều kiện bất khả kháng (ốm đau, bệnh tật) hoặc trong một số trường hợp, anh - em vẫn bất hòa, họ cũng gửi tiền về, giúp đỡ những người thân (anh, em) làm tang ma cho cha mẹ, coi đó là trách nhiệm và bổn phận của mình.

Trong trường hợp trở về quê cũ dự đám tang của cha (mẹ), người theo Tin Lành thường chỉ làm những công việc vặt ở bên ngoài nhà, không tham dự vào quá trình làm lý cho người chết. Sau khi an táng, một số người không ăn cỗ đám mà trở về quê mới ngay sau đó; nhưng cũng có người ở lại quê cũ thêm vài ngày, cùng anh em tham dự đám cỗ và thăm hỏi lẫn nhau. Tuy nhiên, người Hmông theo Tin Lành không ăn đồ cúng đám ma vì họ cho rằng, đó là thức ăn của ma quỷ. Vì vậy, những người anh (em) giữ lý cũ cũng hiểu và thông cảm, mua thức ăn riêng để làm cơm cho họ ăn. Khi đó, những người anh em theo lý mới và lý cũ vẫn có thể cùng nhau ngồi chung một mâm, vừa ăn, vừa trò chuyện vui vẻ.

⁶ Trước Chi thị 01, hoạt động đạo Tin Lành ở một số dân tộc thiểu số miền núi phía Bắc bị coi là bất hợp pháp. Chi thị 01 đã thừa nhận nhu cầu tôn giáo của một bộ phận người Hmông theo Tin Lành, cho đăng ký các điểm nhóm sinh hoạt đạo nếu đủ điều kiện.

Nghi lễ làm tang ma cho cha mẹ khi qua đời là một trong những nguyên nhân gây nên bất đồng sâu sắc giữa các thành viên trong gia đình có người theo và không theo đạo. Giáo nghi của Hội thánh Tin Lành quy định, khi ông bà, cha mẹ qua đời, con cháu phải lo chôn cất chu đáo theo những nghi lễ quy định của Hội thánh⁷. Sở dĩ các tín đồ Tin Lành không làm tang ma theo nghi lễ truyền thống (đặc biệt là không thờ cúng tổ tiên và người chết) bởi:

Thứ nhất, họ được mục sư và trưởng nhóm đạo giảng rằng: người thân của họ sau khi chết sẽ lên Thiên đàng ở cùng với Vàng Chứ. Như vậy, những người sống biết chắc chắn rằng, nơi đến của người chết sẽ là nước Thiên đàng, đó là một nơi sung sướng, không còn nỗi khổ đau hay buồn phiền. Kinh Thánh mô tả nước Thiên đàng, nơi những tín đồ Tin Lành sẽ đến sau khi chết có thành Thánh, chỉ có ánh sáng ban ngày, không có đêm tối và quan trọng hơn: *“Thượng Đế sẽ lau hết nước mắt khỏi họ, sẽ không còn chết chóc, buồn thảm...”* [Khải 21: 1 - 4, 23 - 24; Hội Thánh Tin Lành Việt Nam (miền Bắc), 2013, tr. 330-331]. Người chết chỉ tạm thời chia tay người sống và mai sau họ sẽ cùng nhau đoàn tụ ở cõi Thiên đàng; vì vậy, không cần phải khóc lóc nhiều. Ngược lại, theo họ, những người chưa tin theo Vàng Chứ lại nghĩ rằng, chết là hết, là ra đi không trở lại, không thể gặp lại nhau nữa, nên mới khóc lóc thảm thiết.

⁷ Quy định này ghi trong cuốn *Giáo nghi* của Hội thánh Tin Lành Việt Nam (miền Bắc).

Từ quan niệm trên, trong đám tang của người Tin Lành, thường ít có tiếng khóc và được cử hành theo quy định của Hội thánh, do mục sư hoặc trưởng nhóm đạo thực hiện nghi lễ. Bên cạnh đó, lời cầu nguyện của cộng đồng, những bài hát thánh ca sẽ thay cho tiếng kèn, trống, tiếng khóc than trước đây với ý nghĩa “báo tin” lên Thiên đàng rằng, đã có thêm một thành viên nữa trở về với Vàng Chứ.

Thứ hai, theo quan niệm của người Hmông theo đạo Tin Lành, ông bà, cha mẹ dù yêu thương con cái, nhưng khi qua đời, không thể liên lạc được gì với trần gian, không có quyền ban phước, giáng họa. Họ cũng không được nhận và hưởng gì từ lễ vật cúng bái của những người đang sống nên không cần phải làm cúng. Tất cả những phước hạnh tốt đẹp đang có và sẽ có của các tín đồ là hoàn toàn do Vàng Chứ ban cho.

Thứ ba, người Tin Lành nói chung và người Hmông theo Tin Lành nói riêng rất sợ điều răn ghi trong Kinh thánh, đó là không được thờ bất kỳ ai khác ngoài Chúa (Vàng Chứ). Chúa mạnh hơn cả những con ma⁸. Trong Kinh Thánh ghi rõ: “*Trước mặt ta, các con không được thờ thần nào khác*”, “*Con không được quỳ lạy trước các hình tượng đó hay thờ phượng chúng...*” [Xuất 20: 3, 4; Hội Thánh Tin Lành Việt Nam (miền Bắc), 2013, tr. 82]. Vì các tín hữu Tin Lành phải vâng phục điều này nên họ không khẩn vái trước thân xác của người đã qua đời và cả những con ma nhà.

⁸ Phỏng vấn mục sư Bùi Quốc P. và Giáo sư thần học Công Nghĩa T., Hội Thánh Tin Lành Hà Nội, tháng 6/2015.

Từ trình bày trên đây cho thấy, sau hơn hai mươi năm theo Tin Lành, thế giới quan của những người Hmông tại các bản đã có sự thay đổi rõ rệt. Qua các mục sư, trưởng nhóm đạo, thầy giảng, đặc biệt qua tham dự các lớp học và đọc kinh thánh⁹, người Hmông đã có những hiểu biết nhất định về đạo Tin Lành, thể hiện qua quan niệm và suy nghĩ đã có sự thay đổi khác với trước đây. Sự thay đổi thế giới quan và những quan niệm đã dẫn tới các hành vi ứng xử của người Tin Lành khi cha mẹ qua đời được thể hiện qua các đám tang. Họ coi tang ma là sự kiện không quá đau buồn, không quá tang thương và không phải thờ cúng người chết. Thay vào đó, mục sư và cộng đồng Tin Lành thực hiện các nghi lễ cho người chết trước khi chôn theo đúng giáo nghi của hội thánh. Cũng chính vì lẽ đó, trong ngôi nhà của người Hmông trước đây có nhiều bàn thờ ma (xử ca, tổ tiên, ma cửa, ma buồng...), nay đã được dỡ bỏ. Trong tâm thức tôn giáo, người Hmông theo Tin Lành đã đoạn tuyệt với những con ma.

2. Biến đổi trong quan hệ vợ - chồng

Như trên đã trình bày, gia đình truyền thống của người Hmông là gia đình phụ quyền, tồn tại sự bất bình đẳng nam - nữ khá lớn. Trong đó, vai trò của người đàn ông đề cao và có nhiều đặc quyền, đặc lợi. Các công việc điều hành kinh tế, phụ trách các nghi lễ

⁹ Đọc Kinh Thánh có nghĩa là thi Kinh thánh. Thông thường, sau mỗi buổi sinh hoạt đạo, mục sư, trưởng nhóm đạo sẽ giao một đoạn trong Kinh thánh cho các tín đồ về nhà học và buổi sinh hoạt sau đó sẽ tổ chức thi xem ai là người tìm thấy các câu Kinh thánh trong đoạn đã giao hôm trước nhanh nhất (Tư liệu điều tra thực địa, tháng 5/ 2015).

tâm linh trong khuôn khổ gia đình, đối nội, đối ngoại... đều do người chồng đảm nhận... Người phụ nữ, người vợ, ở địa vị thứ yếu; đặc biệt, nhiều kiêng kỵ thuộc lĩnh vực tâm linh chỉ dành cho phụ nữ. Ví như, phụ nữ không được quyền thực hành và tham gia các nghi lễ thờ cúng trong ngôi nhà, không được tới gần cột chính của ngôi nhà hoặc dẫm chân lên bếp lò... (Vương Duy Quang, 2005, tr. 71).

Nghiên cứu thực địa ở các thôn bản theo đạo Tin Lành cho thấy, quyền bình đẳng của người phụ nữ được đề cao hơn trước đây. Phụ nữ cũng như nam giới đều được nghỉ việc xác vào tối thứ năm và các ngày thứ bảy hoặc Chúa Nhật hàng tuần để đến nhà cầu¹⁰ dự lễ thờ phượng Chúa. Đặc biệt, chiều thứ năm, phần lớn nam, nữ thanh niên trong bản đều đi làm nương về sớm hơn thường lệ để kịp lo cơm nước, tắm giặt sạch sẽ để đến nhà cầu nguyện. Khoảng 19 giờ, trên ngã đường dẫn đến nơi hành lễ, dễ dàng bắt gặp nhiều đôi vợ chồng Hmông trẻ cùng con cái đi thờ phượng Chúa. Khi hỏi về cuộc sống hiện nay của các cặp vợ chồng trẻ, nhiều người phụ nữ trả lời rằng, họ cảm thấy *thích hơn* trước kia rất nhiều. Trước kia và bây giờ vợ chồng họ vẫn bàn bạc với nhau mọi chuyện gia đình, giúp đỡ nhau trong cuộc sống hàng ngày. Tuy nhiên, trước kia, do theo lý cũ, các ông chồng suốt ngày say xỉn nên không thể giúp được vợ. Nay bỏ rượu, vợ chồng lúc nào cũng gần nhau, cùng

nhau đi lễ ở nhà cầu; không ai uống rượu nữa... Vì không uống rượu nên chồng không say rượu, ít chửi mắng vợ hơn, lại không đi chơi lêu lổng; lúc vợ mệt, chồng còn trông con và làm việc nhà giúp vợ. Trường hợp vợ chồng bất hòa (cãi nhau) trong gia đình rất ít. Vì thế, thóc lúa làm ra cũng nhiều hơn. Trước kia ở quê cũ, con gái không được cha mẹ cho đi học; ngày nay, tất cả thanh thiếu niên nam, nữ trong bản đều được đến trường học nếu họ muốn.

Bên cạnh sự bình đẳng trong các công việc hàng ngày, ở lĩnh vực tâm linh, phụ nữ cũng bình đẳng như nam giới. Họ được học chữ Hmông La tinh, học Kinh thánh, hát thánh ca, được cầu nguyện Chúa 3 lần/ngày tại nhà trước các bữa ăn, được đi đến nhà cầu thờ phượng Chúa vào giữa và cuối tuần. Những kiêng kỵ đối với phụ nữ ở trong ngôi nhà trước kia đã bị mất đi. Họ được đến gần cột cái, không sợ những con ma, không sợ khi sơ suất dẫm chân lên bếp lò... Sống trong ngôi nhà, họ có thể đi lại thoải mái, thấy tự tin vào bản thân. Không gian sống trong nhà có sự bình đẳng giữa nam - nữ. Phụ nữ cảm thấy cuộc sống vui hơn và cảm thấy bản thân mình “quan trọng” hơn.

Tuy nhiên, cần hiểu đúng về khái niệm “bình đẳng” trong văn hóa Tin Lành. Theo quan niệm của các tín đồ, mọi người đều bình đẳng trước Chúa. Cả nam và nữ đều được tạo dựng bởi Đức Chúa Trời. Theo Kinh thánh, nam giới được tạo dựng nên trước, nữ giới được tạo dựng sau. Khi hai người lấy nhau thì tạo nên một thịt: “*Chồng phải làm tròn bổn phận đối với vợ, và vợ đối với chồng cũng như vậy. Vợ không có quyền trên thân thể mình mà là chồng; chồng cũng không có quyền trên thân thể mình mà là vợ*”

¹⁰ Nhà cầu hay nhà nguyện là nơi sinh hoạt của nhóm đạo ở các bản làng. Hiện nay, phần lớn các nhà cầu nguyện là nhà của trưởng nhóm đạo.

[I Cô 7: 3 - 4; Hội thánh Tin Lành Việt Nam (miền Bắc), 2013, tr. 201].

Sở dĩ trong mỗi gia đình Tin Lành có sự bình đẳng giữa vợ - chồng, bởi họ được nghe giảng, được học Kinh thánh về sự bình đẳng: “Lúc mình chưa tin Chúa, lấy nhau là do thấy thích thì lấy thôi, không biết mình là do Chúa tạo dựng lên. Khi tin Chúa, mới biết nam, nữ đều do Chúa tạo nên. Đàn ông được Chúa tạo dựng lên trước, đàn bà sau; giống như A-đam được tạo dựng trước, Eva được tạo dựng sau. Chúa lấy xương sườn của đàn ông để tạo dựng đàn bà. Do vậy, vợ chồng phải yêu thương nhau đến chết”¹¹. Niềm tin, sự hiểu biết Kinh thánh là cơ sở để nhiều cặp vợ - chồng người Hmông Tin Lành yêu thương nhau, chia sẻ những công việc gia đình và có sự bình đẳng nam - nữ.

Gia đình của người Hmông theo Tin Lành cũng đề cao sự chung thủy trong gia đình. Kinh thánh ghi rõ: “*Đối với người đã lập gia đình, vợ không được bỏ chồng, chồng cũng không được ly dị vợ*” [I Cô 7: 10 - 12; Hội thánh Tin Lành Việt Nam (miền Bắc), 2013, tr. 201]. Để bảo vệ hạnh phúc cho các gia đình, Kinh thánh cũng ghi rõ: “*Không được ham muốn vợ người, của cải người*” [Xuất 20: 17; Hội thánh Tin Lành Việt Nam (miền Bắc), 2013, tr. 82]. “*Ai ly dị vợ mà cưới người khác thì phạm tội ngoại tình, còn ai cưới đàn bà bị chồng ly dị thì cũng phạm tội ngoại tình*” [Lu 16: 18; Hội thánh Tin Lành Việt Nam (miền Bắc), 2013, tr. tr. 82-83]. Vì thế, trên thực tế, rất ít xảy

ra trường hợp những gia đình Hmông có vợ/ chồng bỏ nhau. Tuy nhiên, khác với Công giáo, các hành vi đạo đức được kiểm soát chặt chẽ bởi Giáo hội, đứng đầu là cha linh mục, còn *các tín đồ Tin Lành sống bởi đức tin*. Chính vì vậy, những hành vi đạo đức của họ trong đời sống hàng ngày được thực hiện bởi sự nhận thức và niềm tin tôn giáo sâu sắc.

3. Biến đổi trong quan hệ anh - em

Như trên đã nêu, quan hệ anh - em trong gia đình truyền thống của người Hmông dựa trên sự tôn ti trật tự trong gia đình. Người em phải phục tùng, nghe lời người anh. Anh em sống phải bảo vệ nhau, chết phải chôn cất cho nhau, sống là người của nhà, chết là “ma” của gia đình.

Khi chuyển sang theo đạo Tin Lành, mối quan hệ anh em ruột thịt (giữa những người cùng theo Tin Lành) vẫn được gìn giữ, thể hiện ở giúp đỡ nhau trong những lúc khó khăn, hoạn nạn như làm nhà, cưới xin, tang ma, ốm đau, bệnh tật... Thông thường, những người dân trong bản giúp nhau về công sức, còn những người anh em ruột thịt lại giúp nhau về vật chất. Trên thực tế, ở các bản của người Hmông được nghiên cứu (thuộc huyện Mường Nhé và Nậm Pồ) đều là các bản di cư từ quê cũ đến vùng đất mới. Lúc mới đặt chân đến vùng đất hoang vu, việc dựng nhà vô cùng khó khăn gian khổ. Sau nhiều ngày đường đi bộ, đặt chân đến vùng đất mới, chọn được khu đất thích hợp, họ quyết định lập nghiệp. Nhà của những anh em ruột thịt và anh em cùng ma thường ở gần nhau và được làm theo phương thức tất cả anh, em cùng hiệp lực lại, dựng nên ngôi nhà mới (ưu tiên gia đình có người già, trẻ nhỏ), sau đó lần lượt đến các gia đình còn

¹¹ Phòng vấn quản nhiệm nhóm đạo Lý A H., bản Huồi Hóc (xã Nậm Kè, huyện Mường Nhé, tỉnh Điện Biên) và những tín đồ Hmông khác, tháng 5/2015.

lại. Nhà của người di cư thường là những ngôi nhà gỗ, xung quanh thưng bằng gỗ ván, mái lợp cỏ gianh. Tất cả những nguyên liệu trên đều lấy từ rừng. Nhà của những gia đình thành viên mới chuyển đến sau khi bản làng đã định cư, đều nhận được sự giúp đỡ của cả bản. Tuy nhiên, những người trong bản chủ yếu giúp đỡ về công sức, còn anh em ruột thịt thường giúp nhau về vật chất như: nhường đất, hỗ trợ tằm lợp, giúp vốn làm ăn (cho tiền hoặc trâu hoặc bò)...

Khi ốm đau, bệnh tật, những anh em ruột thịt bao giờ cũng là những người giúp đỡ trước tiên, bằng công sức và tiền bạc. Tại địa bàn nghiên cứu, chúng tôi được biết, Trưởng bản Huổi Khon đã giúp những người anh, em ruột thóc gạo, trâu bò, tằm lợp và gỗ làm nhà khi gia đình họ mới chuyển đến. Khi một người ốm đau, những người anh em còn bỏ cả công việc nương rẫy, đến bệnh viện thăm nom, chăm sóc. Hành động trên thể hiện tình cảm, nhưng cũng là trách nhiệm của các thành viên trong cùng gia đình.

Tại nơi di cư, những người anh em theo đạo Tin Lành vẫn thường xuyên liên hệ với anh em ở quê cũ. Nếu có người ốm đau hoặc có việc lớn như tổ chức cưới xin, tang ma..., họ đều cố gắng thu xếp công việc để trở về. Những người anh em ở quê cũ vẫn trông đợi anh em ở Mường Nhé, Nậm Pồ về dự họp đông đủ. Ngược lại, nếu ở Mường Nhé, Nậm Pồ có người ốm đau hay có công việc, anh em ở quê cũ vẫn cố gắng xuống thăm; không còn e ngại bởi sự “ngăn trở” giữa người theo và không theo đạo như trước đây. Trong cuộc sống hàng ngày, những người Tin Lành ở quê mới cũng thường xuyên gọi điện thoại về thăm hỏi anh

em, họ hàng ở quê cũ. Dù xa quê hương, nhưng họ không cắt đứt với quê cũ mà thường xuyên trợ giúp, thăm hỏi. Trong trường hợp không về được, những người di cư vẫn thường gửi tiền về giúp đỡ các thành viên gia đình ở quê cũ.

Những người Tin Lành ở bản Cà La Pá, quê Sơn La cho biết, ngày thường, anh em ở quê cũ thỉnh thoảng cũng đến thăm anh em ở quê mới; thấy cuộc sống ở nơi ở mới khá vất vả, họ khuyên nên trở về quê cũ. Tuy nhiên, những người di cư đến quê mới thấy kinh tế của các gia đình ở quê cũ không khá hơn là bao, nên cũng không có ý định quay về. Trong những chuyến về thăm quê, họ cũng chỉ lưu lại ít ngày, phần vì còn nhiều công việc tại nơi ở mới, phần vì sợ trở thành “gánh nặng” cho anh em ở quê cũ.

Mối quan hệ anh - em giữa những người Hmông theo và không theo đạo Tin Lành từ khi có Chi thị 01 đến nay chủ yếu diễn ra theo xu hướng hòa giải, thông cảm, xích lại gần nhau như trên đã trình bày. Tuy nhiên, vẫn tồn tại những trường hợp bất hòa, chủ yếu xoay quanh cách thức tổ chức tang ma và hậu tang ma cho cha mẹ sau khi mất đi.

Theo điều tra của chúng tôi, trong các gia đình trẻ theo Tin Lành, phần lớn cha mẹ họ không theo đạo và ở lại quê cũ, chỉ số ít theo con cháu đến quê mới lập nghiệp. Trường hợp người già vẫn sống cùng số đông các con giữ lý cũ tại quê nhà, khi họ mất đi, đương nhiên đám tang sẽ do các con và anh em họ hàng ở quê tổ chức theo lý cũ. Nhưng trong trường hợp, cha mẹ cùng các con di cư đến quê mới và họ cũng không theo đạo Tin Lành, sau khi mất đi, cách thức tổ chức tang ma thường do số đông các con

quyết định. Trên thực tế, đã xảy ra một số trường hợp; cụ thể, cha mẹ ở với vợ chồng người con trai út theo Tin Lành ở quê mới, nhưng khi họ mất đi, số đông các con trai ở quê cũ đã dùng thế áp đảo, quyết định tổ chức đám tang cho cha mẹ theo lý cũ. Mặc dù, người em trai theo lý mới giải thích rằng, anh ta mới chính là người chăm sóc cha mẹ, do điều kiện kinh tế hiện nay còn nghèo nên không thể có bò và tiền làm ma theo lý cũ. Tuy nhiên, ý kiến này không được những người anh chấp nhận. Cuối cùng, số đông đã “thắng thế” và mâu thuẫn anh em đã xảy ra.

Kết luận

Mối quan hệ trong gia đình của người Hmông theo Tin Lành bao gồm: mối quan hệ giữa cha mẹ - con cái; vợ - chồng và anh - em. Tuy nhiên, khi chuyển sang Tin Lành, thế giới quan của các tín hữu đã thay đổi. Vì thế, mối quan hệ của mỗi thành viên trong gia đình trước tiên và trên hết đều phải dành cho Vàng Chứ (Chúa) - đáng tạo hóa, ban cho sự sống, đồng thời cũng là người cứu rỗi và bảo vệ họ. Các mối quan hệ khác, ngay cả sự hiếu kính, hiếu thảo đối với ông bà, cha mẹ, được đặt ở bên dưới và thể hiện bằng cách báo hiếu khi họ còn sống. Đây là điểm khác biệt căn bản của mối quan hệ trong gia đình của người Tin Lành so với gia đình của người giữ tín ngưỡng truyền thống.

Mối quan hệ giữa người già (cha mẹ) - người trẻ (con cái) trong gia đình của người Hmông Tin Lành cũng cho thấy sự suy giảm vai trò của những người già. Nếu như trước đây, những người nhỏ tuổi đều phải vâng phục người cao tuổi, bất luận ý kiến của họ đúng hay sai. Hiện nay, ý kiến của những người trẻ nếu đúng, vẫn được các thành viên gia đình tôn trọng. Tuy nhiên, theo Kinh thánh, trong

gia đình, con cái vẫn phải hiếu kính và vâng phục cha mẹ, có như vậy mới được sống lâu trên đất mà Chúa ban cho sự sống.

Trong mối quan hệ vợ - chồng, yếu tố bình đẳng là yếu tố nổi trội, trong đó vai trò của người phụ nữ được đề cao. Họ được chồng tôn trọng, bàn bạc đường hướng phát triển kinh tế của gia đình; được chồng yêu thương, chia sẻ mọi công việc nhà, việc nương rẫy. Theo đó, tính chất gia trưởng và sự phân công lao động theo giới tính đặt nặng lên vai người phụ nữ đã giảm bớt đi rất nhiều so với trước đây. Trong gia đình, các thành viên có sự gắn kết, yêu thương, đùm bọc lẫn nhau. Song, quan trọng hơn, sự bình đẳng trong lĩnh vực tâm linh đã *đưa vị thế của người phụ nữ lên một ngưỡng mới*. Nếu như trong gia đình truyền thống, chỉ có người đàn ông mới được thực hành các nghi lễ liên quan đến tín ngưỡng tôn giáo, đến nay phụ nữ cũng được cùng sánh vai cùng chồng đến nhà cầu (nguyện), được đọc Kinh thánh, được hát thánh ca, được “tiếp xúc” trực tiếp với Chúa để cầu xin ân điển. Qua đó, tiếng nói của họ có “trọng lượng” hơn trong gia đình. Đạo Tin Lành đã thay đổi cuộc sống và vị thế của họ. Điều này lý giải vì sao trong nhiều gia đình, phụ nữ luôn là người theo Tin Lành trước và ủng hộ việc theo Tin Lành.

Trong mối quan hệ anh - em cùng theo Tin Lành, sự giúp đỡ truyền thống vẫn được gìn giữ. Bên cạnh sự giúp đỡ trên, những người Tin Lành còn nhận được sự giúp đỡ của những người đồng đạo¹². Tuy nhiên, sự

¹² Chúng tôi sẽ trình bày cụ thể trong một nghiên cứu khác về mối quan hệ giữa những người đồng đạo.

giúp đỡ giữa những người ruột thịt vẫn là sự giúp đỡ trước tiên, nặng về vật chất, tiền bạc; sự giúp đỡ đồng đạo chủ yếu về công sức, trừ những trường hợp đặc biệt.

Mối quan hệ giữa những người anh - em theo và không theo Tin Lành, đã có sự thay đổi từ sau Chi thị 01. Nếu như trước khi có chi thị, những người theo đạo bị coi là bất hợp pháp, điều này khiến ngay trong chính các gia đình, những người không theo đạo đã có con mắt không thiện cảm với những người theo đạo. Đây cũng là một trong những nguyên nhân dẫn đến sự bất hòa sâu sắc trong quan hệ gia đình. Từ sau Chi thị 01, sự thừa nhận nhu cầu theo đạo của một bộ phận người dân thể hiện qua sự cấp phép đăng ký sinh hoạt điểm nhóm, đã làm cho quan hệ (anh - em) trong gia đình “ấm” và tốt lên rất nhiều. Trong nhiều gia đình, mối quan hệ anh - em đã xích lại gần nhau; vượt qua sự khác biệt, cản trở về tôn giáo, nhường nhịn nhau để đi tới hòa giải và đã đoàn tụ. Bằng chứng là những người (anh, em) theo đạo ở quê mới, thường xuyên trở về thăm những người (anh, em) không theo đạo ở quê cũ; tham dự vào những sự kiện quan trọng trong gia đình, dòng họ (cưới xin, tang ma, tết); có người còn lưu trú lại để thăm hỏi nhau. Ngược lại, những người anh em ở quê cũ cũng đã vào chơi với anh, em ở quê mới; có gia đình còn khuyến khích những người ở quê mới trở về quê cũ... Ngoài ra, anh - em cũng thường xuyên trao đổi, hỏi han nhau qua điện thoại; hỗ trợ giúp đỡ nhau về kinh tế. Việc theo lý mới hay giữ lý cũ của các thành viên trong gia đình có sự thông cảm và tôn trọng. Nhờ đó, tình đoàn kết anh em ngày

càng thắt chặt, xóa đi những hiềm khích không đáng có trước đây. Tuy nhiên, trong một số gia đình, vẫn còn xảy ra mâu thuẫn. Về bản chất, đó là sự khác biệt về thế giới quan và lối sống, thể hiện rõ nét qua trách nhiệm của mỗi người con trong việc tổ chức tang ma cho cha mẹ.

Tài liệu tham khảo

1. Cheung, Siu Woo (1995), “Millenarianism, Christian Movements, and Ethnic Change among the Miao in Southwest China”, In: *Cultural Encounters on China's Ethnic Frontiers*, ed. by Stevan Harrell, The University of Washington Press, Seattle, Pp. 217-247.
2. Nguyễn Xuân Hà (2013), *Nghiên cứu sự chuyển đổi đức tin từ tín ngưỡng truyền thống sang theo đạo Tin Lành của một bộ phận người Hmông ở các tỉnh miền núi phía Bắc nước ta trong giai đoạn từ 1986 đến nay*, Đề tài Khoa học cấp Bộ, Mã số ĐT.09/13 (Ban Tôn giáo Chính phủ).
3. Phạm Quang Hoan (1994), “Vai trò của các thiết chế xã hội truyền thống trong việc quản lý nguồn tài nguyên cộng đồng của người Hmông”, *Tạp chí Dân tộc học*, Số 2, tr. 43-53.
4. Phạm Quang Hoan (2001), “Lễ cưới của người Hmông trắng huyện Đồng Văn, tỉnh Hà Giang”, *Tạp chí Dân tộc học*, Số 6, tr. 13-22.
5. Hội Thánh Tin lành Việt Nam (miền Bắc) (2013), *Kinh thánh Cựu ước và Tân ước*, Nxb Tôn giáo.

6. Lee, Gary; Tapp, Nick (2002), “Các vấn đề về dân tộc Hmông hiện nay: 10 điểm chính”, *Tạp chí Dân tộc học*, Số 4, tr. 60-69.

7. Moua, Vayong (1995), *Hmong Christianity: Conversion, Consequence, and Conflict*, trên trang <http://www.drugwar.com/akhahmong.shtm>.

8. Vương Duy Quang (2005), *Văn hóa Tâm linh của người Hmông ở Việt Nam, truyền thống và hiện tại*, Nxb Văn hóa - Thông tin và Viện Văn hóa.

9. Nguyễn Văn Thắng (2009), *Giữ “lý cũ” hay theo “lý mới”? Bản chất của những phản ứng khác nhau của người Hmông ở Việt Nam với ảnh hưởng của đạo Tin Lành*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.

10. Tapp, Nicholas (1989), *Sovereignty and Rebellion the White Hmong of Northern Thailand*, Oxford University Press, Oxford.

11. Nguyễn Quỳnh Trâm (2016), *Văn hóa của người Hmông theo đạo Tin Lành ở Lào Cai*, Luận án tiến sĩ Nhân học, Học viện Khoa học xã hội.



Ban Thanh niên người Hmông hát Thánh ca tại lễ thờ Phụng chúa ngày Chủ nhật tại bản Cà La Pá, xã Leng Su Sìn, huyện Mường Nhé, tỉnh Điện Biên

Ảnh: Trần Thị Hồng Yến